

KINH HOÀNG ĐẠO QUẢNG HIỂN
TAM-MUỘI
QUYỂN 4

Phẩm 9: PHÁP NHÃN KHÔNG KHỞI

Bấy giờ A-nậu-đạt hỏi Nhuyễn Thủ:

–Làm sao để được pháp Nhãn không khởi?

Nhuyễn Thủ đáp:

–Nhãn không sinh nơi sắc, thõng (thọ), tưởng, hành, thức. Đó gọi là Bồ-tát được Nhãn không khởi.

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát đã được pháp Nhãn không khởi, thấy chúng sinh bình đẳng, nên được nhãn này. Bình đẳng thấy các chúng sinh kia, như nó sinh ra. Bình đẳng thấy chúng sinh, cũng không có sinh. Bình đẳng nhìn thấy chúng sinh như tự nhiên. Bình đẳng nhìn thấy tất cả như tướng của chúng, cũng không cùng chúng mà thấy bình đẳng. Đó gọi là Bồ-tát bình đẳng thấy nhãn không.

–Sao gọi là không? Mắt để biết sắc, tai để biết tiếng, mũi biết hương, miệng biết vị, thân biết cánh (xúc), tâm biết thọ pháp. Nếu như các tình không, thì nhãn cũng không; nhãn quá khứ cũng không, nhãn hiện tại cũng không. Sự nhãn như không, chúng sinh cũng không.

–Sao gọi là không? Vì dục là không; tức giận, ngu si là không. Như chúng sinh không, thì sự điên đảo cũng không; ham muốn như bản khởi và diệt cũng đều là không. Làm trí hạnh như vậy, gọi là Bồ-tát hạnh.

Nếu ai không khởi pháp Nhãn, bình đẳng đối với các chúng sinh, là đã hướng đến giải thoát. Vì sao như vậy? Vì Bồ-tát kia nghĩ rằng: “Nếu nó đã không, cho đến cái dơ của ngã và các chúng sinh là không, là không chỗ có; chế ngự dục như vậy, dục ấy đã giải

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thoát, ngay căn bản mình không có tất cả chúng sinh.” Nhẫn như vậy, là tự tại đối với dục, là đã thoát khỏi dục, căn vắng lặng không nơi chốn, nó vĩnh viễn không diệt, không giải thoát, chẳng giải thoát, cũng không chứng đắc, để được giải thoát vậy.

Nếu người ấy vĩnh viễn giải thoát, cho nên đó cũng được tự nhiên trụ xứ.

Lại nữa, này Long vương! Nếu có Bồ-tát, thực hành tương ứng nhẫn nhục thì cứu độ tất cả, không thấy khó nhọc.

Vì sao? Vì thấy các chúng sinh hoàn toàn, vốn không bị trôi buộc, ngay căn bản đã tự giải thoát.

Vị ấy lại nghĩ như vậy: “Các chúng sinh này đều dính mắc vào một dục. Hành giả không chìm đắm nên giải thoát pháp bốn; tất cả chúng sinh dính mắc vào những suy nghĩ vọng tưởng không thật, Bồ-tát hiểu nó, nên hoàn toàn không dính mắc, nên đã giải thoát pháp bốn.”

Lại nữa, này Long vương! Nếu Bồ-tát được pháp Nhẫn không khởi, tuy chưa đạt được chỗ yếu hạnh của Phật; nhưng Bồ-tát ấy không trụ nơi học và vô học của phàm phu, nhập khắp các nơi, tu tập cứu độ không mỗi; không ở chỗ dục mà có hạnh dâm; ở chỗ sân hận lại không sân hận; ở chỗ si mê mà không si mê. Không ở những chỗ ấy, trụ nơi vô dục, lìa bỏ các dục lạc, chế ngự tâm tánh, để dẫn hóa chúng sinh. Nhờ tự mình không có ham muốn như bản, không tham đắm vào các việc làm ô uế; nên đối với cõi ma hay cõi Phật, đều có tướng tự nhiên mà không nghi hoặc. Cũng không nhớ nghĩ chỗ pháp tánh, hiện khắp các cõi chúng sinh, rõ biết các nơi, nơi pháp và nơi phi pháp; hiểu nhập hành xứ, dùng tuệ để quán; đối với chỗ của hành và chỗ của sinh tử, cũng không sinh tử, nhập theo sinh tử; các chỗ sở tại đều tạo gốc đức, giữ sự thanh tịnh, không hề mệt mỏi, hiểu rõ sinh tử, nhưng không sinh tử; không nương vào Hiền thánh, tự tu giải thoát.

Bấy giờ A-nậu-đạt bảo Nhuyến Thủ:

–Như lời Nhuyến Thủ đã nói: Bồ-tát không dùng tu mà hưởng tới giải thoát. Người biết rõ sự học này, đó là Bồ-tát tu để hưởng tới giải thoát.

–Sao gọi là Bồ-tát tu để hưởng tới giải thoát?

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Nhuyến Thủ đáp:

–Nhờ được không thoái chuyển, nên gọi là Bồ-tát tu để hưởng tới giải thoát.

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát hiểu biết: “Có nhớ nghĩ là chưa giải thoát; vì tùy theo các nhớ nghĩ của chúng sinh mà tạo ra sự tinh tấn để chuyển hóa thành không nhớ nghĩ. Lời nói còn có sự tôi, ta, cũng là chưa giải thoát.”

Lại nữa, này Long vương! Bồ-tát ấy đã không tôi, ta, lại hưởng đến các loại chúng sinh bị trói buộc, nhằm khởi lòng đại Bi, để độ thoát họ; tức vị ấy đã thấy sự sinh tử, hoàn toàn không có sinh tử. Sinh các chỗ sinh, chính nó không sinh. Chúng sinh không sinh đều thấy như nhau. Vì các chúng sinh chìm đắm và ỷ lại, nên sinh ra có thân, nhưng vĩnh viễn không có sự sinh ra, cũng không có kết thúc. Đó là Bồ-tát trí tuệ cần tu để hưởng tới giải thoát; nắm sự quyền biến, trở lại trụ nơi sinh tử; hiện tại chỗ đã sinh ra là nơi thọ thân; tế độ sự ngu tối, dẫn đường bằng trí tuệ, để được thoát khỏi tội khổ.

Bồ-tát nhờ dùng Không, nên phù hợp với sự vắng lặng, để hưởng đến giải thoát; dùng quyền xảo mà trở lại sinh tử, vì các chúng sinh, nên hưng phát lòng đại Bi. Bồ-tát nhờ Vô tướng, tu hành hưởng đến giải thoát; dùng quyền biến rộng rãi mà tuần hoàn rong chơi trong sinh tử, hưởng đến các tùy niệm của chúng sinh, mà khởi lòng đại Bi. Bồ-tát nhờ Vô nguyện, tu hành hưởng đến giải thoát, giữ sự quyền biến mà tuần hoàn, trở lại trụ nơi sinh tử, vì sự tùy nguyện của các loại chúng sinh, hưởng đến sự phát tâm đại Bi, hóa hạnh Vô nguyện để giải thoát chăng?

Này Long vương! Bồ-tát hiểu việc nhập pháp không chỗ có, để không bỏ chúng sinh, nhập nơi vô ngã, nhân và thọ mạng, không làm mất đạo tràng; hiểu việc nhập vô lượng quả, đạt được ba mươi hai tướng của Đại nhân, cuối cùng là hoàn toàn vắng lặng, chẳng có gì mà không vắng lặng; cũng không náo loạn, bình đẳng vượt qua các hành; không có tâm, ý, thức; không trái với bản nguyện, vượt lên Phổ trí tâm, bình đẳng xa lìa các nhớ nghĩ, tìm đủ cách hiểu các thứ ý hạnh của chúng sinh, đạt được bậc Hiền thánh và chẳng phải Hiền thánh. Siêng năng dùng sự sáng suốt tiến tới lập Thánh pháp chân chánh, không có hạnh dâm dật, lập chí không xả bỏ, với người vắng

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

lặng hay không vắng lặng thấy đều tế độ; không nhớ nghĩ, chẳng nhớ nghĩ, với người không ngay thẳng; dùng sự trang sức, nghiêm chỉnh cõi Phật để an lập họ, vượt qua thế tục, hướng đến giải thoát; giải thoát mà không lìa thế tục.

Như vậy, này Long vương! Nhờ dùng trí quyền xảo mà có định của Hiền thánh. Đó là Bồ-tát cần tu hành, để hướng đến giải thoát.

Này Long vương! Ví như hạnh của Thanh văn, tu hành cần hướng đến giải thoát gọi là Vãng hoàn (qua lại), để thành đạo nghiệp, không thể tiến tới, để phát tâm vô thượng, kiến lập đại Bi, hóa độ chúng sinh. Như thế Bồ-tát cũng phải tu hành giải thoát không còn lay động, thành không thoái chuyển, vậy có Vãng hoàn chăng?

Này Long vương! Tu hành cần hướng tới giải thoát, không còn nghi ngờ, sẽ được quả chí đạo. Lại như Bồ-tát, tu hành cần hướng đến giải thoát, hoàn toàn không quên quả vị của Thanh văn, để thọ đạo Bồ-tát, vì Thanh văn này, tu hành cần hướng đến giải thoát là có giới hạn. Như vị Bồ-tát thì hoàn toàn không có giới hạn.

Này Long vương! Ví như có hai người dân thường, ở trên đỉnh núi cao, muốn tự nhảy xuống. Trong đó, một người, thì sức khỏe hùng dũng, quyền xảo, sách lược thông thạo, luyện tập cơ nghi từ trước, hiểu rõ các sự biến hóa, không việc gì mà không thông suốt. Từ trên đỉnh núi mà tự nhảy xuống, cũng như bỗng nhiên lại qua đứng ở đỉnh núi khác. Nhờ có thể lực dũng mãnh, tráng kiện, nên thân người ấy, bay cao, hết sức nhanh nhẹn, nhẹ nhàng; kết quả do sức mạnh mà được, khiến cho người ấy không rớt, cũng không đứng nguyên chỗ. Còn người thứ hai, vì ý chí khiếm nhược, cũng không có quyền mưu, ở trên đỉnh núi, tự mình không thể nào nhảy xuống được.

Như vậy, này Long vương! Vị Bồ-tát ấy, đối với Không, Vô tướng, Vô nguyện, quán thấy các pháp, không sinh các ý nghĩ. Quán như vậy xong, lại có thể dùng năng lực của trí tuệ quyền xảo, vì các chúng sinh, trụ Phổ trí tâm.

Người trên đỉnh núi cao đó, gọi là người có vô số trí tuệ rộng lớn, hiện rõ sức lớn mạnh, lấy đó dụ cho Bồ-tát thực hành trí tuệ

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

quyền xảo vậy.

Vị Bồ-tát tu hành trí tuệ quyền xảo, không có nơi sinh tử, không trụ vô vi. Đó là Bồ-tát mặc áo giáp Phổ trí, nhập vào sinh tử để cứu độ chúng sinh, khiến họ phát hạnh Đại thừa của Bồ-tát. Còn người yếu kém, đứng trên đỉnh núi kia, không thể nhảy xuống, ví như hàng Thanh văn, vì không vào sinh tử, nên vô ích đối với chúng sinh.

Như vậy, này Long vương! Nếu có Bồ-tát, nghe phẩm yếu hạnh tuệ giải thoát này, thì tâm họ đối với Đức Thế Tôn sẽ được vững chắc; đối với đạo ý Vô thượng Chánh chân, mau chứng quả Phật cứu giúp ba cõi.

Khi Đức Phật nói pháp này rồi, các Bồ-tát ở trong hội, gồm bảy ngàn người, đạt được không thoái chuyển.

M